

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/HS-ST**
Ngày 28/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị M.** Sinh năm 1982, tại tỉnh Thừa Thiên- Huế;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 21, khu vực X, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên- Huế; chỗ ở hiện nay: Liên gia 6, tổ dân phố Y, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; con ông: Nguyễn V (đã chết) và bà: Hà Thị G; bị cáo chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Thanh T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – *Có mặt.*

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

* **Người làm chứng:**

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1983 – *Vắng mặt.*

- Ông Hoàng Minh D, sinh năm 1987 – *Vắng mặt.*

Cùng nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 07/12/2018, Nguyễn Thị M thuê một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô chở M đi dọc theo

Quốc lộ X hướng từ Tp. B xuống huyện C để tìm việc làm. Khi đi ngang qua cửa hàng kinh doanh quần áo “Phương A” ở thôn K, xã D, huyện C do bà Nguyễn Thị Phương Th làm chủ. M nói với người đàn ông dừng xe lại đứng ở ngoài đường chờ để M đi vào trong mua sắm quần áo. Trong quá trình chọn đồ, M phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng của bà Th đang sạc pin để dưới nền gạch nên M nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại này. Lợi dụng lúc bà Th không để ý, M đi lại rút dây sạc rồi lấy điện thoại giấu trong tấm váy choàng (tấm vải) chống nắng mà M sử dụng trước đó. Sau đó, M nói với bà Th là M mua 01 cái áo dài nhưng do không đủ tiền nên M đặt cọc 30.000 đồng, hôm khác M sẽ quay lại lấy thì bà Th đồng ý nhận 30.000 đồng. M cầm váy choàng bên trong có điện thoại đi ra cửa, lúc này bà Th không thấy chiếc điện thoại di động của mình nên chạy theo hỏi M, thấy vậy M chạy lại phía trước cổng nhà ông Trần Tuấn K (sát bên cạnh cửa hàng Phương A) và hất tấm vải làm điện thoại rơi ra rồi M bỏ chạy về hướng người đàn ông đang chờ, bà Th liền tri hô “trộm, trộm” và cùng với một số người dân xung quanh bắt giữ M giao cho cơ quan Công an xử lý còn người đàn ông chạy xe ô tô máy chạy đi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M, tạm giữ 01 tấm vải (váy choàng) hình chữ nhật kích thước (1,1x0,9)m; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng và 30.000 đồng do M tự nguyện giao nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cư Kuin kết luận: tại thời điểm ngày 07/12/2018 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng có giá trị 3.800.000 đồng.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/QĐ-VKS-HS ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng cho bà Nguyễn Thị Phương Th là chủ sở hữu nhận sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp để đảm bảo công tác thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 tấm vải nhiều hoa văn hình chữ nhật, kích thước (1,1x0,9)m không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục rút gọn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 07/12/2018, tại cửa hàng quần áo “Phương A” thuộc thôn K, xã D, huyện C, bị cáo Nguyễn Thị M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng có giá trị 3.800.000 đồng của bà Nguyễn Thị Phương Th.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị Phương Th gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục riêng đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội tuy nhiên cũng cần xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản có giá trị không lớn, được bị hại làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định và có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết

số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích và không gây nguy hiểm cho xã hội; không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của Nhà nước ta.

[5] Đối với người đàn ông chạy xe ôm chở bị cáo M xuống địa bàn huyện Cư Kuin nhưng không xác định được nhân thân lý lịch cũng như đặc điểm xe, biển số nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng cho bà Nguyễn Thị Phương Th là chủ sở hữu nhận sử dụng.

Đối với số tiền 30.000 đồng bị cáo đặt cọc cho bà Th để mua áo dài không liên quan đến hành vi phạm tội đồng thời tại phiên tòa bị cáo yêu cầu trả lại nên cần chấp nhận. Đối với 01 tấm vải nhiều hoa văn hình chữ nhật, kích thước (1,1x0,9)m không còn giá trị sử dụng và bị cáo từ chối nhận nên tiêu hủy (Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 15/3/2019).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ Điều 173 BLHS, tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M **07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án

treo cổ ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6Plus 16G, vỏ màu hồng cho bà Nguyễn Thị Phương Th là chủ sở hữu nhận sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo số tiền 30.000 đồng; Tiêu hủy 01 tấm vải nhiều hoa văn hình chữ nhật, kích thước (1,1x0,9)m không còn giá trị sử dụng (Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 15/3/2019).

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH